

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

HÀ NGỌC QUANG

**TỘI LÀM, TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN,
LƯU HÀNH TIỀN GIẢ, NGÂN PHIẾU GIẢ, CÔNG
TRÁI GIẢ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn tỉnh Phú Thọ)**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Đỗ Ngọc Quang

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung
tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LÀM, TÀNG TRỪ, VẬN CHUYỂN LƯU HÀNH TIỀN GIẢ, NGÂN PHIẾU GIẢ, CÔNG TRÁI GIẢ TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7		
1.1. Những khái niệm có liên quan	7		
1.1.1. Khái niệm tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	7		
1.1.2. Khái niệm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	9		
1.2. Phân biệt tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả với một số tội phạm khác trong luật hình sự Việt Nam	10		
1.2.1. Phân biệt tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác	10		
1.2.2. Phân biệt tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả với tội rửa tiền	15		
1.3. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	18		
1.3.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1985	18		
1.3.2. Giai đoạn từ 1985 đến 1999	20		
1.3.3. Giai đoạn từ 1999 đến nay	23		
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI LÀM, TÀNG TRỪ, VẬN CHUYỂN, LƯU HÀNH TIỀN GIẢ, NGÂN PHIẾU GIẢ, CÔNG TRÁI GIẢ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ	29		
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự 1999 về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	29	2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	29
		2.1.2. Chế tài hình sự đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	34
		2.2. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	38
		2.2.1. Những kết quả đạt được trong điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	38
		2.2.2. Những tồn tại trong điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	52
		2.2.3. Những nguyên nhân làm phát sinh những tồn tại trong điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	55
		Chương 3: NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐẤU TRANH VỚI TỘI LÀM, TÀNG TRỪ, VẬN CHUYỂN, LƯU HÀNH TIỀN GIẢ, NGÂN PHIẾU GIẢ, CÔNG TRÁI GIẢ	62
		3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	62
		3.2. Các kiến nghị, đề xuất khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự đấu tranh với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	68
		3.2.1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	68
		3.2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	69
		3.2.3. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan khác của nhà nước, tổ chức xã hội trong đấu tranh với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả	70
		KẾT LUẬN	74
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tiền giả trong thực tế đã có một quá khứ tồn tại khá lâu đời. Càng ngày thì tội phạm càng biết áp dụng những công nghệ hiện đại để làm ra tiền giả. Tiền giả làm giảm sút kinh tế, gây rối loạn thị trường và rất nhiều thiệt hại khác không thể kể hết. Ở nước ta, song song với việc làm giả tiền Việt Nam đồng, thì các loại ngoại tệ, séc, ngân phiếu giả, công trái giả, thẻ tín dụng giả xuất hiện ngày càng nhiều. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thì số lượng tiền giả ngày một tăng, mỗi năm ngân hàng thu vào hàng chục tỷ tiền Việt Nam đồng giả, chủ yếu là các loại có mệnh giá cao. Đây là số tiền giả do các ngân hàng, kho bạc phát hiện và thu giữ. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, thì trên thực tế, số lượng tiền giả đang lưu hành trên thị trường còn lớn hơn rất nhiều.

Tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (sau đây gọi tắt là "tội phạm về tiền giả") là loại tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tính chất mức độ của nó gây ra không những ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ của Nhà nước ta, trực tiếp phá hoại nền kinh tế của đất nước mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Tội phạm về tiền giả không chỉ xảy ra ở khu vực thành phố, thị xã, mà bọn tội phạm còn lợi dụng các địa bàn như vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, các chợ buôn bán tiền ở vùng biên giới để thực hiện tội phạm. Đặc biệt, bọn tội phạm đã lợi dụng một số người không có công việc làm, những người nghèo, người già, trẻ em tham gia vào hoạt động phạm tội để kiếm sống làm cho tình hình tội phạm về tiền giả diễn biến ngày càng phức tạp. Trong khi đó, quan hệ phối hợp phòng, chống tội phạm về tiền giả giữa các quốc gia còn nhiều hạn chế, bất cập, cho nên cuộc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này sẽ gặp nhiều khó khăn. Với những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài "**Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trong Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn tỉnh Phú Thọ**" làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ Luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong những năm qua, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả. Loại tội phạm này được đề cập, phân tích trong một số giáo trình và sách tham khảo như: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, (tập 3) của Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2013; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; sách "*Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*", của Viện nghiên cứu Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, năm 2008 do tập thể tác giả biên soạn; sách "*Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*", do PGS.TS. Trần Minh Hương, Học viện Cảnh sát nhân dân biên soạn, Nxb Hồng Đức, năm 2014; Sách chuyên khảo: "*Tội phạm kinh tế thời mở cửa*", do PGS.TS. Nguyễn Xuân Yêm, PGS.TS. Nguyễn Hòa Bình làm chủ biên, Nxb Công an nhân dân, năm 2003; Sách chuyên khảo: "*Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*", do TS. Phạm Văn Lợi chủ biên, Nxb Tư pháp, năm 2007...

Ngoài ra, các tài liệu liên quan đến luận văn còn có các tạp chí chuyên đề như: "*Một số điểm mới trong chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Bộ luật hình sự 1999*" của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà đăng trên Tạp chí Luật học, số 2/2000; Luận án tiến sĩ của tác giả Mai Thế Bày: "*Đấu tranh phòng chống các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*", Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2006.

Những nghiên cứu trên đây của các tác giả mới chỉ dừng lại dưới dạng các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, một phần, mục trong các giáo trình, sách tham khảo mà chưa nghiên cứu đi sâu vào đánh giá, phân tích thực tiễn vận dụng pháp luật tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; cũng như đánh giá những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng luật của các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác, những năm gần đây xuất hiện ngày càng nhiều những vụ án làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả có quy mô lớn, mức độ tinh vi, phức tạp và liên quan đến các đối tượng ở nước ngoài. Do vậy, vấn đề đặt ra với các nhà khoa học

là cần phải tiếp tục nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện, sâu sắc hơn đối với loại tội phạm này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của luận văn nhằm phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật đối với tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả. Qua đó đề xuất một số kiến nghị nâng cao hiệu quả pháp luật quy định loại tội phạm này.

Luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ chính như sau:

Tập trung phân tích quy định của luật hình sự Việt Nam về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trong Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) ở hai khía cạnh: Trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả; nêu ra những tồn tại trong vận dụng quy định của pháp luật hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trong điều tra, truy tố, xét xử từ năm 2010 - 2014 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và đề xuất một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật có liên quan đến tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

4. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn sẽ xem xét và giải quyết các vấn đề cụ thể quy định của Bộ luật hình sự 1999 ở khía cạnh nhiệm vụ hình sự và hậu quả pháp lý của loại tội phạm này; phân tích thực tiễn vận dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả từ năm 2010 - 2014; phân tích những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả và đề cập đến một số tồn tại trong quy định của pháp luật về loại tội phạm này. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện quy phạm pháp luật hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng như các thành tựu khoa học khác như luật hình sự, luật tố tụng hình sự, triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học trong lĩnh vực hình sự.

Luận văn còn sử dụng một số phương pháp tiếp cận để làm sáng tỏ về mặt khoa học từng vấn đề tương ứng, trong đó là các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thống kê, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp lịch sử cụ thể, phương pháp luật so sánh...

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn sẽ so sánh, đánh giá những bước phát triển nổi bật của pháp luật Việt Nam quy định về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả từ năm 1945 cho đến nay; luận giải các dấu hiệu pháp lý về chủ thể, khách thể, mặt chủ quan, mặt khách quan của tội phạm này theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn vận dụng quy định pháp luật hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trong điều tra, truy tố, xét xử giai đoạn 2010 -2014 và một số tồn tại, vướng mắc khi áp dụng pháp luật, luận văn đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về tội phạm này.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Tăng cường sự nhận thức đúng đắn của nhân dân, tầm quan trọng trong việc xử lý hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả góp phần ổn định nền kinh tế thị trường và chính sách tiền tệ của Nhà nước.

- Góp phần bổ sung vào các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực hình sự, kết quả của luận văn là tài liệu tham khảo trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả chính sách hình sự đối với tội phạm về làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái

giả nói riêng và tội phạm kinh tế nói chung trong thời gian tới cũng như góp phần trong áp dụng thực tiễn các quy định của pháp luật khi xử lý loại tội phạm này.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Quy định của Bộ luật hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Chương 3: Những kiến nghị, đề xuất áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đấu tranh với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LÀM, TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN LƯU HÀNH TIỀN GIẢ, NGÂN PHIẾU GIẢ, CÔNG TRÁI GIẢ TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Những khái niệm có liên quan

1.1.1. Khái niệm tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Tác giả luận văn đưa ra định nghĩa khoa học về tiền giả, ngân phiếu giả và công trái giả như sau: "*Tiền giả*" là vật đúc bằng kim loại hay in bằng giấy không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành hoặc nước ngoài phát hành nhưng có giá trị thanh toán tại Việt Nam; "*Ngân phiếu giả*" là phiếu có ghi số tiền dùng làm căn cứ nhận tiền tại ngân hàng hoặc nhận tiền gửi qua bưu điện không phải do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành mà là được làm giả với vẻ bề ngoài giống như cái thật; "*Công trái giả*" là phiếu công trái không phải do các cơ quan chức năng phát hành mà là được giả với vẻ bề ngoài giống như cái thật.

1.1.2. Khái niệm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Qua nghiên cứu, tác giả luận văn đưa ra định nghĩa khoa học về tội "làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả" là hành vi làm ra, cất giữ, vận chuyển, sử dụng, trao đổi, mua bán các loại tiền giả, ngân phiếu giả và công trái giả không phải do cơ quan, Nhà nước Việt Nam phát hành hoặc nước ngoài phát hành có giá trị thanh toán tại Việt Nam.

1.2. Phân biệt tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả với một số tội phạm khác trong luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Phân biệt tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác

Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả và Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác là hai tội độc lập quy định tại Điều 180 và Điều 181 Bộ luật hình sự năm 1999 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009. Trước đây, hai tội phạm này được quy định chung trong một điều luật Điều 98 Bộ luật hình sự năm 1985 "tội làm tiền giả, tội tàng trữ, lưu hành tiền giả, tội phá hủy tiền tệ".

Về phương diện lý luận, sự khác biệt lớn nhất của hai tội phạm này là ở đối tượng tác động của tội phạm và chế tài hình sự đối với các hành vi phạm tội được nêu trong nội dung của điều luật.

Về đối tượng tác động của tội phạm

Đối tượng tác động của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả là tiền, ngân phiếu, công trái. Tiền, ngân phiếu, công trái có thể là của Việt Nam hoặc của nước ngoài phát hành.

Đối tượng tác động của tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác theo quy định tại Điều 181 Bộ luật hình sự là séc, giấy tờ có giá.

Về chế tài hình sự

Trong phần này, tác giả luận văn nghiên cứu về chế tài hình sự đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

và chế tài hình sự đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác trong Bộ luật hình sự năm (sửa đổi bổ sung năm 2009). Qua đó nhận thấy, tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả có mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn hơn nhiều so với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác.

1.2.2. Phân biệt tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả với tội rửa tiền

Hai tội phạm này có đặc điểm khác nhau rất riêng biệt. Tội "làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả" có khách thể là trật tự quản lý kinh tế của đất nước, xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về phát hành và lưu hành tiền tệ, ngân phiếu, công trái. Khách thể của tội "rửa tiền" là trật tự xã hội, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra xử lý người phạm tội cũng như việc thu hồi tài sản, tiền do bọn tội phạm chiếm đoạt.

Mặt khách quan của hai tội phạm đều được thực hiện bằng những hành vi nguy hiểm, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, an toàn trật tự xã hội của đất nước.

Về mặt chủ quan của tội phạm thì cả hai tội đều được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Nếu như ở tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả được thực hiện nhằm thu lời bất chính, hợp pháp hóa tiền, ngân phiếu, công trái giả thành thật để lưu thông tiền tệ thì tội "rửa tiền" nhằm mục đích " tẩy trắng" đồng tiền, tài sản do phạm tội mà có, "rửa tiền" nhằm che giấu nguồn gốc phi pháp của những tài sản đó.

Về chủ thể tội phạm, cả hai tội phạm đều được thực hiện bởi bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi từ 16 trở lên theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Bộ luật hình sự.

Ngoài những điểm chung nêu trên thì tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả và tội rửa tiền còn có những điểm giống và khác biệt cơ bản.

Tại khoản 1 của Điều 180 và Điều 251 Bộ luật hình sự đã cho thấy khởi điểm khung hình phạt của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (phạt tù từ 03 năm đến 07 năm) cao hơn so với tội rửa tiền (phạt tù từ một năm đến năm năm).

Nếu như tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật hình sự quy định phạt tù từ 05 năm đến 12 năm khi phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng thì tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự đã quy định cụ thể các tình tiết cấu thành tăng nặng: phạt tù từ 03 năm đến mười năm khi có một trong các tình tiết sau: có tổ chức, lợi dụng chức vụ quyền hạn, phạm tội nhiều lần, có tính chất chuyên nghiệp...

Tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự cũng quy định mức hình phạt nhẹ hơn Điều 180 Bộ luật hình sự.

Khoản 4 Điều 251 và khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự đều quy định người phạm tội có thể phải chịu hình phạt bổ sung. Tuy nhiên mức phạt ở hai tội này có sự khác biệt. Tại khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản thì tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự, mức phạt tiền được mở rộng hơn "người phạm tội có thể bị tịch thu tài sản, phạt tiền đến ba lần số tiền hoặc giá trị tài sản được hợp pháp hóa".

1.3. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

1.3.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1985

Cách mạng tháng 8/1945 thành công, Ngay khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, tiền đồng cũng chính thức được in và lưu thông để khẳng định chủ quyền của đất nước tự do. Để có thể quản lý được nền kinh tế trong tình hình chính quyền còn non trẻ, ngày 20/12/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh số 180/SL - "sắc lệnh ấn định những hình phạt đối với những hành vi phá hoại nền tài chính quốc gia, làm thiệt hại đến giá trị hay khó dễ cho sự lưu hành giấy bạc Việt Nam".

Như vậy, mặc dù đất nước mới được tái thiết, các quy định về hình sự nhằm trấn áp tội phạm còn rất hạn chế nhưng Chính phủ đã quan tâm đặc biệt hành vi làm, tàng trữ và lưu hành tiền giả. Việc quy định hành vi làm, tàng trữ, lưu hành giấy bạc giả đã đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống tội phạm về tiền giả. Tuy nhiên các chế định về hình sự để xử lý về loại tội phạm này còn rất hạn chế.

1.3.2. Giai đoạn từ 1985 đến 1999

Bộ luật hình sự 1985 ra đời, là công cụ sắc bén góp phần đấu tranh có hiệu quả chống tội phạm để giữ nghiêm pháp luật và kỷ luật của Nhà nước. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả được quy định tại Điều 98 Bộ luật hình sự 1985.

Trong hơn mười năm có hiệu lực, Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung bốn lần vào các ngày 28/12/1989, ngày 12/08/1991, ngày 22/12/1992 và ngày 10/05/1997. Trong mỗi lần sửa đổi, bổ sung thì Bộ luật hình sự đều có những thay đổi liên quan trực tiếp đến tội làm tiền giả, tội tàng trữ, lưu hành tiền giả, tội phá hủy tiền tệ được quy định ở Điều 98 Bộ luật hình sự năm 1985. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng pháp luật, việc xử lý các hành vi đối với loại tội này đã có những hạn chế nhất định.

1.3.3. Giai đoạn từ 1999 đến nay

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000.

Tội làm tiền giả, tội tàng trữ, lưu hành tiền giả, tội phá hủy tiền tệ, trước đây được quy định tại Điều 98 Bộ luật hình sự năm 1985, thì nay được tách thành hai tội khác nhau, quy định tại Điều 180 (tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả) và Điều 181 (tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác).

Trong quá trình thi hành, Bộ luật hình sự năm 1999 đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, đòi hỏi phải sớm khắc phục, cụ thể như sau:

Thứ nhất, do được ban hành từ năm 1999, nên Bộ luật hình sự hiện hành không thể cập nhật và thể chế hóa được những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Thứ hai, quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về các yếu tố cấu thành của một số tội phạm (như: các tội phạm về môi trường, các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin) còn quá bất cập, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm trên thực tế.

Thứ ba, một số quy định của Bộ luật hình sự hiện hành tỏ ra không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện mới, nhất là các quy định về mức định lượng tối thiểu về giá trị tài sản hoặc giá trị thiệt hại để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm tài sản và một số tội phạm khác có liên quan đến tài sản,...

Thứ tư, Bộ luật hình sự hiện hành chưa cập nhật được những hành vi nguy hiểm cho xã hội đòi hỏi phải xử lý về mặt hình sự mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là trong một số lĩnh vực như: công nghệ thông tin, chứng khoán, tài chính - kế toán, sở hữu trí tuệ, v.v...

Thứ năm, do được ban hành từ năm 1999 trong bối cảnh nước ta chưa hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nhiều điều ước quốc tế chúng ta chưa có điều kiện gia nhập nên Bộ luật hình sự chưa phản ánh được những đặc điểm và yêu cầu đấu tranh chống tội phạm trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Từ những lý do nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết trong điều kiện phát triển về kinh tế và xã hội hiện nay của nước ta nhằm góp phần khắc phục một bước những bất cập, hạn chế nói trên, đáp ứng yêu cầu bức xúc của thực tiễn và bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI LÀM, TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, LƯU HÀNH TIỀN GIẢ, NGÂN PHIẾU GIẢ, CÔNG TRÁI GIẢ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

2.1. Quy định của Bộ luật hình sự 1999 về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Tội phạm được cấu thành bởi bốn yếu tố: Khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm.

Đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả thì bốn yếu tố này được thể hiện như sau:

Thứ nhất, khách thể của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Khách thể của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả là trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm đến những quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tiền tệ và các loại giấy tờ có giá trị như tiền như phát hành và lưu hành tiền tệ, ngân phiếu, công trái.

Thứ hai, mặt khách quan của của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Mặt khách quan của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả được thể hiện ở những hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Hành vi làm tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả là thực hiện hành vi vẽ theo hình mẫu, làm bản in, phôi tô hoặc bằng các hình thức khác để phát hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Hành vi tàng trữ tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả là thực hiện các hành vi cất giấu các đối tượng nói trên một cách trái pháp luật. Nơi cất giữ có thể là ở nhà riêng, nơi làm việc... dưới bất cứ hình thức nào.

Hành vi vận chuyển tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả là bằng mọi thủ đoạn khác nhau để đưa các đối tượng nói trên đến các nơi khác nhau (đưa bằng ô tô, xe máy, máy bay, tàu thủy)

Hành vi lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả là đưa các đối tượng nói trên vào lưu thông trên thị trường (như đưa tiền giả vào mua bán, trao đổi).

Về mặt hậu quả: Hậu quả do hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả gây ra là rất nghiêm trọng vì nó xâm phạm đến việc phát hành, lưu hành, quản lý tiền tệ của Nhà nước.

Thứ ba, mặt chủ quan của của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Mặt chủ quan của tội phạm là những diễn biến tâm lý bên trong của tội phạm bao gồm: lỗi của người phạm tội, mục đích phạm tội, động cơ phạm tội; trong đó lỗi là yếu tố được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm.

Thứ tư, chủ thể của của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Chủ thể của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả được quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật hình sự là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

2.1.2. Chế tài hình sự đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả không có các tình tiết định khung hình phạt. Trường hợp phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật hình sự là cấu thành cơ bản của tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả, người phạm tội có thể bị phạt từ ba năm đến bảy năm tù, là tội phạm nghiêm trọng.

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm theo khoản 1 Điều 180 Bộ luật hình sự, ngoài việc phải căn cứ vào các quy định về quyết định hình phạt tại Chương VII Bộ luật hình sự (từ Điều 45 đến Điều 54). Nếu người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng hoặc tuy có nhưng mức độ tăng nặng không đáng kể, thì có thể được áp dụng hình phạt dưới ba năm tù. Nếu người phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, không có tình tiết giảm nhẹ hoặc nếu có nhưng mức độ giảm nhẹ không đáng kể thì có thể bị phạt đến bảy năm tù.

2.2. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

2.2.1. Những kết quả đạt được trong điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Số lượng các vụ án hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả giai đoạn 2010- 2014 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được thống kê trong bảng 2.1.

Bảng 2.1: Số vụ án, bị can, bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả giai đoạn 2010- 2014 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Năm	Số bị khởi tố, điều tra		Viện kiểm sát truy tố		Xét xử sơ thẩm	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị cáo
2010	07	09	07	09	07	09
2011	05	08	05	08	05	08
2012	08	10	08	10	08	10
2013	12	15	12	15	12	15
2014	14	18	14	18	14	18
Tổng số	46	60	46	60	46	60

Nguồn: Tổng hợp báo cáo tổng kết của Công an tỉnh Phú Thọ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ từ 2010 - 2014

Nghiên cứu về những đặc điểm nhân thân của người phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010- 2014 đã chỉ ra có những đặc điểm chính như sau:

Bảng 2.2: Thống kê về thành phần, nhân thân người phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010- 2014

Năm	Đăng viên	Nữ	Nam	Dân tộc thiểu số	Từ đủ 14 đến 16 tuổi	Từ 16 đến 18 tuổi	Từ đủ 18 đến 30 tuổi
2010	0	05	04	01	0	0	03
2011	0	03	05	01	0	0	02
2012	0	06	04	0	0	0	02
2013	0	09	06	0	0	01	04
2014	0	07	11	02	0	0	06
Tổng	0	30	30	04	0	01	19

Nguồn: Số liệu thống kê của Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ.

Trong giai đoạn 2010 - 2014, các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án tỉnh Phú Thọ đã rất cố gắng trong đấu tranh với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả. Số vụ án được phát hiện đều được điều tra, truy tố, xét xử. Không để xảy ra trường hợp bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội.

2.2.2. Những tồn tại trong điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Thứ nhất, trong công tác xét xử, một số thẩm phán, cán bộ tòa án còn chưa nhận thức đầy đủ, chính xác tầm quan trọng của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm kinh tế nói chung, tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả nói riêng trong tình hình hiện nay, chưa chấp hành đúng các hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao nên việc quyết định hình phạt trong một số ít trường hợp chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Thứ hai, công tác nâng cao trình độ cho cán bộ điều tra, truy tố, xét xử còn chưa được thường xuyên, đồng đều nên hạn chế năng lực của các cán bộ tư pháp.

Thứ ba, đặc điểm của các vụ án làm tiền giả là loại án truy xét, có vật chứng và phổ biến phát hiện ở khâu lưu hành. Trong khi đó, tàng trữ, lưu hành tiền giả là loại án thường liên quan tới nhiều tỉnh thành trong cả nước và có liên quan đến nước ngoài. Qua khảo sát sơ bộ các vụ án làm tiền giả, chưa phát hiện vụ án nào làm tiền giả ở trong nước. Hầu hết các đối tượng tàng trữ, lưu hành tiền giả đều khai nhận nguồn gốc tiền giả được đưa từ Trung Quốc, Đài Loan xâm nhập vào Việt Nam qua các cửa khẩu biên giới, đặc biệt là cửa khẩu Lạng Sơn). Tuy nhiên, đa phần các vụ án chỉ làm rõ được mảng trong nước, còn mảng ở nước ngoài chưa tiến hành được.

2.2.3. Những nguyên nhân làm phát sinh những tồn tại trong điều tra, truy tố, xét xử tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Thứ nhất, Bộ luật hình sự năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 là chưa đa dạng hóa hình phạt áp dụng với người phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Thứ hai, về nhận thức, tội phạm về tiền giả là một loại tội phạm có quá trình hình thành, phát triển với phương thức, thủ đoạn hoạt động tinh vi,

phức tạp, không chỉ liên quan đến các tổ chức, ổ nhóm tội phạm trong nước, mà còn liên quan đến các tổ chức tội phạm ở nước ngoài, nhưng việc sơ kết, tổng kết kinh nghiệm, đánh giá hoạt động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn hoạt động của tội phạm về tiền giả của các cơ quan chức năng chưa được thực hiện thường xuyên.

Thứ ba, về tổ chức thực hiện, các mặt công tác nghiệp vụ như điều tra cơ bản, sơ tra tuyến, địa bàn, đối tượng trọng điểm chưa được triển khai hoặc có làm nhưng không sâu. Một số địa phương đã xác lập, điều tra một số chuyên án, nhưng chỉ là giai đoạn vận chuyển, tiêu thụ tiền giả giới hạn trong một địa phương hoặc mở rộng ra một vài địa phương khác.

Thứ tư, về hoạt động tương trợ tư pháp. Việc phát hiện bắt giữ các vụ án về tiền giả do phải truy xét "nóng", mất rất nhiều công sức. Thêm vào đó chưa có sự hướng dẫn cụ thể về các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, các nước đã ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam, những trường hợp cụ thể áp dụng nguyên tắc "có đi có lại"... làm cho các hoạt động điều tra ở địa phương đối với án tiền giả nói chung không tránh khỏi lúng túng, phá án làm tiền giả vì vậy gần như chưa có hiệu quả.

Chương 3

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐẤU TRANH VỚI TỘI LÀM, TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, LƯU HÀNH TIỀN GIẢ, NGÂN PHIẾU GIẢ, CÔNG TRÁI GIẢ

3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Để đáp ứng yêu cầu hoàn thiện quy định của pháp luật về tội "làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả" theo tinh thần của cải cách tư pháp và yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trong thời gian tới; từ thực tiễn xét xử xét thấy cần hoàn thiện một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi năm 2009, đặc biệt đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả có sự sửa đổi. Tuy nhiên cho đến nay mới chỉ có Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử đối với tội phạm này bởi lẽ Nghị quyết này hướng dẫn thực hiện Bộ luật hình sự 1999, trong khi đó bộ luật này đã có sự sửa đổi bổ sung năm 2009. Đặc biệt đối với tội "làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả" năm 2009 có sự sửa đổi. Hơn nữa, trong vòng 12 năm qua nền kinh tế Việt Nam đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, giá trị của đồng tiền đã có nhiều thay đổi so với năm 2003, vì thế, hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP có nhiều điểm không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền cần có văn bản hướng dẫn việc thực hiện Điều 180 Bộ luật hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả càng nhanh càng tốt để hệ thống các cơ quan tư pháp các cấp thực hiện nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử.

Thứ hai, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về hình phạt, đảm bảo tính hợp lý, công bằng và phù hợp với đặc điểm của tội phạm.

Qua nghiên cứu về lý luận và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử "tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả" cho thấy, quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt đối với loại tội phạm này chưa phù hợp với đặc điểm của tội phạm bởi lẽ đặc điểm của loại tội phạm này là tội phạm trong lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính, chế tài xử phạt còn bất hợp lý, không còn phù hợp với tiến trình cải cách cần được nghiên cứu hoàn thiện. Thực tế cho thấy chế tài xử phạt đối với loại tội phạm này còn nặng về hình phạt tù, chưa mở rộng đa dạng hóa các hình phạt như cải tạo không giam giữ, hình phạt tiền. Vì thế, quy định của Điều 180 Bộ luật hình sự về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả chỉ có một loại hình phạt chính không những chưa phù hợp với đặc điểm, tính chất của tội phạm mà còn chưa đáp ứng được yêu cầu về cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị.

Để khắc phục mâu thuẫn trên và phù hợp với xu hướng cải cách tư pháp của nước ta trong giai đoạn hiện nay lại vừa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, theo quan điểm của chúng tôi, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 Bộ luật hình sự theo hướng phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bởi lẽ, việc quy định cứng nhắc như Luật hiện hành "phạm tội ít nghiêm trọng" thì chỉ được áp dụng đối với người phạm tội theo khung hình phạt có mức án cao nhất đến ba năm tù, còn nếu quy định là "phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người phạm tội nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế" thì có thể áp dụng đối với người phạm tội theo khung hình phạt có mức án trên ba năm tù.

Thứ ba, cần quy định cụ thể các tình tiết định khung trong điều luật, tạo điều kiện cho việc cá thể hóa hình phạt.

Để quy định của Bộ luật hình sự về loại tội phạm này có thể bao quát hết được các tình tiết định khung, phản ánh đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm đang có xu hướng gia tăng trong tình hình hiện nay, cần có sự sửa đổi bổ sung các khoản định khung tăng nặng của Điều 180 Bộ luật hình sự như sau:

Điều 180. *Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.*

1. Người nào tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến hai mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm:

- a) Phạm tội có tổ chức;
- b) Phạm tội nhiều lần;
- c) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;
- d) Tái phạm nguy hiểm;
- e) Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng.

3. Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

- a) *Vật phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc đặc biệt lớn;*
- b) *Thu lợi bất chính rất lớn hoặc đặc biệt lớn;*
- c) *Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.*

3.2. Các kiến nghị, đề xuất khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự đấu tranh với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

3.2.1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Trước những yêu cầu thực tế của đất nước và để đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp, vấn đề nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật để qua đó củng cố, tăng cường hiệu lực pháp luật đang trở nên cấp thiết. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, chúng ta cần tiến hành một số giải pháp sau:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của chính quyền đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Kịp thời triển khai, thực hiện hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phòng chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Chú trọng xây dựng đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật - vai trò quyết định chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật. Phát triển công tác viên tuyên truyền pháp luật về phòng chống tội phạm tại địa bàn cơ sở; tiếp tục củng cố đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên và hệ thống các chi hội luật gia, các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

Đổi mới các nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, đặc biệt chú trọng hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền trực quan, cá biệt, sân khấu hóa.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử đối với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Để có thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao, cần có sự tăng cường, nghiên cứu, đẩy nhanh tiến độ trong việc đổi mới, hoàn thiện đồng

bộ hệ thống các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, về hoàn thiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tư pháp, cả trong hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp và đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nhằm huy động lực lượng của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội tham gia vào quá trình cải cách tư pháp.

Đẩy nhanh công tác xây dựng thể chế, theo đó bảo đảm tiến độ và chất lượng các dự án Luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng hình sự, ...;

Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp đối với đội ngũ cán bộ tư pháp nhằm góp phần hoàn thiện nền tư pháp của chúng ta.

3.2.3. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan khác của nhà nước, tổ chức xã hội trong đấu tranh với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm về tiền giả, trong thời gian tới, theo chúng tôi, cần phải quan tâm một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, Chính phủ cần có kế hoạch ký kết các văn kiện về phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm về tiền giả với các nước, đặc biệt là với Trung Quốc, Lào, Căm-pu-chia để loại trừ những cơ sở làm tiền giả từ nước ngoài. Bên cạnh đó, Chính phủ tạo điều kiện để Bộ Công an thường xuyên trao đổi thông tin và phối hợp điều tra tội phạm với Công an Trung Quốc và các nước khác.

Thứ hai, Bộ Công an phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện hiệu quả các quy định của Bộ luật hình sự về xử lý tội phạm sản xuất, tàng trữ, buôn bán tiền giả. Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự theo hướng giao cơ quan an ninh điều tra tiến hành điều tra tất cả các vụ án về tiền giả mà không cần phân biệt cấp xét xử của Tòa án như hiện nay. Có hướng dẫn cụ thể, chi tiết đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương việc áp dụng những quy định chung về hợp tác quốc tế trong hoạt

động tố tụng hình sự đối với các vụ án về tiền giả nhằm nâng cao hiệu quả công tác này, đặc biệt đối với việc trấn áp, kiểm tòa tội phạm làm tiền giả.

Thứ ba, ngành Ngân hàng cần làm tốt công tác bảo vệ nội bộ, giáo dục tinh thần trách nhiệm, đồng thời trang bị kiến thức đấu tranh phòng, chống, ngăn chặn việc làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, nhận biết tiền thật, tiền giả đối với cán bộ thu ngân, kho quỹ tuyệt đối không để tội phạm lợi dụng móc nối đưa tiền giả vào Ngân hàng, Kho bạc. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các ngành chức năng tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để người dân nắm được kỹ năng phân biệt tiền thật, tiền giả.

Thứ tư, lực lượng công an cần tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng để phát hiện, ngăn chặn hoạt động vận chuyển tiền giả từ biên giới cũng như quá trình tiêu thụ trong nội địa.

KẾT LUẬN

Từ những nghiên cứu về luật hình sự Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử ta thấy rằng những quy định về tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả đều có chung một mục đích là nhằm ngăn ngừa, trừng trị, giáo dục những người phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả. Tuy nhiên, ở mỗi thời kỳ lịch sử, pháp luật hình sự lại có những quy định khác nhau về tội phạm này.

Ngoài việc nêu được lịch sử phát triển của luật hình sự qua từng thời kỳ lịch sử, thì trong chương 1, tác giả còn phân tích những khái niệm có liên quan đến tiền, tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả để chúng ta có một cái nhìn chính xác và toàn diện về đối tượng hướng tới của loại tội phạm này. Bên cạnh đó, tác giả cũng cố gắng so sánh được những điểm giống và khác nhau giữa tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (Điều 180) với tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác (Điều 181). Đây là nhóm tội được quy định trong

cùng một chương là có lịch sử lập pháp được quy định là một tội trong Bộ luật hình sự 1985. Hay so sánh tội phạm này với tội " Rửa tiền" được quy định tại Điều 251 - mục B - nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng thuộc chương XIX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tìm ra những dấu hiệu đặc trưng nhất để phân biệt tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế khác trong cùng một nhóm, hoặc với tội khác nhóm nhưng có cùng một đối tượng tác động của tội phạm giúp loại bỏ sự nhầm lẫn về lý luận khi nghiên cứu các loại tội này cũng như tránh được sự nhầm lẫn trong quá trình xác định tội danh và khung hình phạt áp dụng với người phạm tội trong thực tiễn xét xử. Ngoài ra, luận văn còn phân tích rất rõ về dấu hiệu pháp lý để nhận biết tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả và chế tài hình sự áp dụng đối với loại tội phạm này.

Trong những năm qua, tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trở thành vấn đề mang tính chất quốc tế. Chúng đang là mối hiểm họa đối với nền kinh tế đang phát triển của đất nước, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm, đe dọa sự ổn định, chính sách tiền tệ của Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả các cơ quan tiến hành tố tụng ở tỉnh Phú Thọ vẫn còn có khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả vẫn diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và quy mô phạm tội, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi. Xuất phát từ thực trạng đó, một yêu cầu đặt ra trong thời gian tới cần phải nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử tội phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả.

Góp phần vào việc giải quyết yêu cầu đó, nghiên cứu này đã khảo sát thực trạng điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu

hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2010 - 2014, chỉ ra những nguyên nhân và điều kiện của những hạn chế trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả của cơ quan tiến hành tố tụng ở tỉnh Phú Thọ.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đề tài đã luận giải và đưa ra một số giải pháp để đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trong thời gian tới. Đó là các giải pháp đồng bộ tác động vào các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án. Đề tài đã phân tích lập luận cho việc đưa ra một số biện pháp cụ thể, trước mắt bao gồm các nhóm giải pháp cho từng cơ quan tiến hành tố tụng trên các mặt tổ chức, nghiệp vụ, đầu tư kinh phí, trang thiết bị, xây dựng phát triển nguồn nhân lực, hợp tác giữa các đơn vị, hợp tác quốc tế và xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự.

Với những kết quả đạt được của đề tài, tác giả hy vọng rằng đề tài sẽ có những đóng góp nhất định trong việc nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, từ đó đẩy lùi loại tội phạm này, mang lại một nền kinh tế vững mạnh, mang lại cuộc sống bình yên, tươi đẹp cho nhân dân.